LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR	7:25	14+0	0+0		15+4	0+0	ec225
2		RP2+P1+VSP01	7:25	20+2+0	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
3		RC3+P2	7:25	12+10	0+0		5+17	0+0	
4		BK14+BK5+BK6	7:25	4+7+9	0+0+0		5+8+9	0+0+0	chuyen 1 bk14-bk5
5		PVD8	9:25	14	0		19	0	ec225
6		CTC1+RC10+RP2	9:25	11+4+7	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
7		MRM+CTC1+P11	9:25	17+2+0	0+0+0		10+6+2	0+0+0	chuyen 7 ctc1-p11
8		P2+BK8	9:25	11+9	0+0		7+15	0+0	
9		BK5+P2+TD3	11:45	6+6+6	0+0+0		6+10+6	0+0+0	chuyen 2 BK5-P2
10		RP2+RC3	11:45	21+1	0+0		17+5	0+0	
11		PVD8+BK10	11:45	7+9	0+0		7+15	0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RP2-5ng, Bk5-2ng, 2 ng chuyển Bk5-P2 chuyến sau

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO:PVD8 - SAVR	CREW: HOÀI - MẠNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1943	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN VĂN HUNG	PVD8	500	1	8			93	PVD DD	Vietnamese
2	NGUYỄN DANH PHONG	PVD8	45	1	6			80	PVD DD	Vietnamese
3	TRẦN ANH	PVD8	54	1	5			63	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	43	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
5	BÙI ANH TÚ	PVD8	44	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
6	TRƯƠNG TRỌNG TUẤN ĐẠT	PVD8	40-41	2	13			79	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN HUNG	PVD8	42	1	11			81	HALLIBUR	Vietnamese
8	LÊ VĂN NAM	PVD8	56-57	2	13			59	PVD LOGGI	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN HỢP	PVD8	53	1	6			73	PVD DD	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THẮNG	PVD8	51-52	2	10			75	PVD DD	Vietnamese
11	VŨ VĂN TRỌNG	PVD8	48-49	2	13			69	PVD DD	Vietnamese
12	NGUYỄN SANH HÁO	PVD8	58	1	10			72	PVD DD	Vietnamese
13	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD8	55	1	11			67	PVDO	Vietnamese
14	ĐÀM NGỌC TUẤN ANH	PVD8	46-47	2	13			67	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.025	19	135	0	0	15		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	4		
	TOTAL	14	1.025	19	135	0	0	19		
	WEIGHT KG		1.025		135		0			

GRAND TOAL: 1.160 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	PHẠM NGỌC HOÀI ☐
		ĐẶNG NGỌC MẠNH ☑

Fuel: 1650 kg (Hoc) 7h20

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP2 - P1 - VSP01	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1946	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	RP2				3	55	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUỆ	RP2						70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	RP2						71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ LOAN	RP2						59	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÀ	RP2	30	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TẤN TÀI	RP2	40	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN SÁCH ĐỒN	RP2	25-26	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN KIM CƯỜNG	RP2	28	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	36	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIẾT HÙNG	RP2	38	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	31	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG QUỐC MẠI	RP2	32-33	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	RP2	39	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	RP2						86	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TÀI	RP2	34-35	2	19	1	13	78	XAYLAP	Vietnamese
16	BÙI TRỌNG TRIU	RP2	42-43	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ TIẾN NGỌC	RP2						84	DK9	Vietnamese
18	VÕ TUẤN ANH	RP2	37	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ TUẤN ANH	RP2	27	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	29	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HUY BẮC	P1	38	1	10			78	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN MẠNH	P1	36	1	8	1	22	74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	20	1.442	18	118	4	68	12		
2	P1	2	152	2	18	1	22	5		
3	VSP01	0	0	0	0	0	0	5		
	TOTAL	22	1.594	20	136	5	90	22		
	WEIGHT KG		1.594		136		90			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN MAI PHI	TRẦN HỒNG NAM ☐ NGHIÊM VIỆT ANH ☑

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RC3 - P2	CREW: LINH - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1949	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO VIẾT HẢI	RC3	44	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUỐC KHÁNH	RC3						79	KH-THAC	Vietnamese
3	KRA PIVKA VADIM	RC3	35	1	5			88	KH-THAC	Russian
4	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	RC3						92	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH TUẤN	RC3	37	1	8			80	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRÌNH	RC3	34	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH CÔNG	RC3						64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TẤN HỒNG	RC3	36	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HỌC	RC3	42	1	13	2	30	76	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG HỮU VINH QUY	RC3	43	1	13			78	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG TUYỀN	RC3	40-41	2	23			58	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	RC3	38-39	2	20			80	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ VĂN LONG	P2	36	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC QUỐC	P2	41	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN ĐẠNG	P2	42	1	8	2	30	69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DOÃN HƯỞNG	P2	40	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ HỮU NGUYÊN	P2	34	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THÀNH NAM	P2	44	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2	34,35	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	37-38	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ANH BẢO	P2	43	1	6			66	YTE	Vietnamese
22	PHÙNG ANH TUẤN	P2	39	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	12	907	11	95	2	30	5		
2	P2	10	693	12	76	2	30	17		
	TOTAL	22	1.600	23	171	4	60	22		
	WEIGHT KG		1.600		171		60			

GRAND TOAL: **1.831** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	NGÔ VĂN LINH ☐
		NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:BK14 - BK5 - BK6	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1952	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	BK14	33	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
2	BELYAEV SERGEY	BK14	32	1	16			79	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	BK14	76	1	15	3	40	127	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ANH TUẤN	BK14	34	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HẢI NAM	BK5	07	1	16			60	SGC	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN CÔNG	BK5	05-06	2	11			51	SGC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH HẢI	BK5	10	1	10	2	30	62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	12	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5						78	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ QUANG HIỆP	BK5	08-09	2	9			69	DK9	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	11	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK6	28-29	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH HẢI (12514)	BK6	30-31	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THIỆP	BK6	25	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK6	37	1	18			75	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK6	32	1	11	2	32	79	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	BK6	27	1	9	1	15	71	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC THẾ	BK6	33-34	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
19	NINH VĂN SƠN	BK6	23-24	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN TRỌNG MINH	BK6	26	1	2			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	4	352	4	55	3	40	5 + 1		CHUYEN 1 PAX BK14-BK5
2	BK5	7	462	8	58	2	30	8		
3	BK6	9	647	13	99	3	47	9		
	TOTAL	20	1.461	25	212	8	117	22		
	WEIGHT KG		1.461		212		117			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	LẠI HỒNG ĐIỆP	BÙI HOÀNG DƯƠNG ☐ NGUYỄN THÀNH TRUNG ☑

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 10:15
B.CARD: TRANG-2	TO:PVD8	CREW: HOÀI - MẠNH	ETA: 12:05
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1944	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THÁI HỢP	PVD8	72-73	2	10			65	PVDO	Vietnamese
2	LÊ BÁ LONG	PVD8	69	1	8			62	PVDO	Vietnamese
3	BÙI XUÂN KHOA	PVD8	76	1	10			57	PVDO	Vietnamese
4	LÊ HỒNG VƯƠNG	PVD8	75	1	7			69	PVDO	Vietnamese
5	QUÁCH VĂN THẮNG	PVD8	67	1	7			71	PVDO	Vietnamese
6	MAI VĂN NHẬT	PVD8	65	1	8			71	INTL.SOS	Vietnamese
7	NITIN MANOHAR	PVD8	61-62	2	14			84	SCHLUMBE	Indian
8	VÕ TẤN HOÀ	PVD8	59-60	2	17			72	SCHLUMBE	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KHẢI	PVD8	63-64	2	11			89	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN AN	PVD8	68	1	7			75	PVDO	Vietnamese
11	ĐẶNG BÁ HUY	PVD8	66	1	5			78	PVDO	Vietnamese
12	LÊ VĂN HẢI	PVD8	77	1	8			83	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	PVD8	74	1	8			63	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN DUY LINH	PVD8	70-71	2	15			79	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.018	19	135	0	0	19		
	TOTAL	14	1.018	19	135	0	0	19		
	WEIGHT KG		1.018		135		0			

GRAND TOAL: 1.153 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	PHẠM NGỌC HOÀI ☐
		ĐẶNG NGỌC MẠNH ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:CTC1 - RC10 - RP2	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1947	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	62	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG HỮU SƠN	CTC1	64	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	65	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN DŨNG	CTC1	61	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG TUYÊN	CTC1						79	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VŨ TIẾN THÀNH	CTC1	63	1	6			95	KH-THAC	Vietnamese
7	BÙI VĂN MẠNH	CTC1	66	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍ THANH	CTC1	67	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ BÁ HÒA	CTC1	59-60	2	20			73	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG QUỐC VĂN	CTC1	56-57	2	11			60	SGC	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH QUYỀN	CTC1	58	1	13			79	SGC	Vietnamese
12	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	40	1	9	2	25	99	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	41	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	42	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN TÚ	RC10	43	1	7			54	PSV	Vietnamese
16	HỒ THIÊN ĐẠT	RP2	54	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
17	THÁI HỮU TÂM	RP2	52-53	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ VĂN SÁNG	RP2	47	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	55	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HẢI SÁNG	RP2	49	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG HOÀNG LONG	RP2	50-51	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ DUY QUYỀN	RP2	48	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	11	781	12	84	0	0	4		
2	RC10	4	275	4	33	2	25	6		
3	RP2	7	469	9	54	0	0	12		
	TOTAL	22	1.525	25	171	2	25	22		
	WEIGHT KG		1.525		171		25			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	VŨ THỊ THU HƯƠNG	TRẦN HỒNG NAM ☐ NGHIÊM VIỆT ANH ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:MRM - CTC1 - P11	CREW: LINH - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1950	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN MẠNH HOAN	MRM	18	1	4			59	KHOAN	Vietnamese
2	SADOVNICHENKO DMITRII	MRM	17	1	15			106	KHOAN	Russian
3	KVARTNIKOV ANTON	MRM	25	1	9			112	AMHГP	Russian
4	NGUYỄN HOÀNG SƠN	MRM	33-34	2	10			74	DVL	Vietnamese
5	DUDII MIKHAIL	MRM	32,35	2	12			82	AMHГP	Russian
6	KOTIKOV ALEXEY	MRM	19	1	11			113	AMHГP	Russian
7	FILATOV SERGEY	MRM	20	1	14			112	AMHГP	Russian
8	ZASTAVNYI VASILII	MRM	26	1	12			80	AMHГP	Russian
9	ZHELEZNIAK EVGENII	MRM	23-24	2	14			92	AMHГP	Russian
10	MANUKIAN KAREN	MRM	27	1	7			105	AMHГP	Russian
11	AGAIANS SERGEI	MRM	28-29	2	7			89	AMHГP	Russian
12	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	31	1	6			86	AMHГP	Russian
13	GABDRAFIKOV RENAT	MRM	30	1	9			90	AMHГP	Russian
14	CHAGOVETS ALEKSANDER	MRM	21	1	10	1	13	75	AMHГP	Russian
15	KOROL YURIY	MRM	39	1	14			80	AMHГP	Russian
16	LÂM VĂN NHÂN	MRM	36	1	15			64	AMHГP	Vietnamese
17	VŨ THANH HÒA	MRM	37	1	10	1	12	69	AMHГP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	39	1	3			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	17	1.488	21	179	2	25	10		
2	CTC1	1	70	1	3	0	0	6+7		CHUYEN 7 PAX CTC1-P11
3	P11	0	0	0	0	0	0	2		
	TOTAL	18	1.558	22	182	2	25	18		
	WEIGHT KG		1.558		182		25			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	NGÔ VĂN LINH ☐
		NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:P2 - BK8	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1953	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ ANH TÚ	P2	95-96	2	12			80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN CHƯƠNG	P2						71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	91	1	13			85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2						79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	97	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	92	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ ANH NGỌC	P2	700,99	2	16			74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN NAM	P2	93	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ HƯỚNG	P2	98	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ HUY QUỲNH	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ SỸ VANG	P2	94	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG CẨM	BK8						79	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	BK8	51	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK8	52	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK8	53	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ TUẤN HÙNG	BK8	54	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KIM THÀNH	BK8	49	1	6			68	NIPI	Vietnamese
18	LÊ QUỐC CƯỜNG	BK8	50	1	5			78	NIPI	Vietnamese
19	CAO KINH THẢO	BK8	55-56	2	20			70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	11	792	10	63	0	0	7		
2	BK8	8	577	8	65	0	0	15		
	TOTAL	19	1.369	18	128	0	0	22		
	WEIGHT KG		1.369		128		0			

GRAND TOAL: **1.497** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	BÙI HOÀNG DƯƠNG ☑
		NGUYỄN THÀNH TRUNG ☐

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO:BK5 - P2 - TD3	CREW: NAM - N.CƯƠNG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1948	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HÙNG CƯỜNG	BK5	27	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC THƯỜNG	BK5	28	1	12			83	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾP	BK5	73-74	2	20			75	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN THÀNH TRUNG	BK5	76	1	12	1	13	71	DVL	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN CHUNG	BK5	26	1	14			74	DVL	Vietnamese
6	TÔ CÔNG TÀNH	BK5	75	1	5			61	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN SƠN	P2	88	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐỒNG	P2	87	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG LƯU	P2	89	1	14			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HIỀN	P2	90	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH HOÀN	P2	86	1	11			91	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU ANH TUẤN	P2	85	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TUẤN ANH	TD3	54	1	12	4	97	72	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ TUẤN ANH	TD3	52-53	2	14			80	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ VĂN HÒA	TD3				4	60	80	LONG VŨ	Vietnamese
16	HUỲNH THANH TOÀN	TD3	50	1	7			80	LONG VŨ	Vietnamese
17	CAO Y THUẬN	TD3	49	1	14			74	LONG VŨ	Vietnamese
18	NGUYỄN TẤN ĐẠT	TD3	51	1	6			89	LONG VŨ	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	6	441	7	67	1	13	6 +2		CHUYEN 2 PAX BK5-P2
2	P2	6	439	6	54	0	0	10		
3	TD3	6	475	6	53	8	157	6		
	TOTAL	18	1.355	19	174	9	170	22		
	WEIGHT KG		1.355		174		170			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	TRẦN HỒNG NAM ☐ PHAN NHƯ CƯƠNG ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:RP2 - RC3	CREW: LINH - NPHÚ - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1951	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN QUÂN	RP2	63	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	66	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	RP2	67	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
5	THÁI VĂN TUẤN	RP2	64	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUANG LỢI	RP2	62	1	10	1	20	81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	75	1	15			63	YTE	Vietnamese
8	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	76-77	2	18			59	KH-THAC	Vietnamese
9	BÙI VĂN HỘI	RP2	72-73	2	17			52	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH THÂN	RP2	58-59	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG KHẮC CƯỜNG	RP2	60	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOÀNG	RP2	61	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI CÔNG HUẤN	RP2	56-57	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM TIẾN ĐẠT	RP2	68-69	2	21			61	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	78	1	4			74	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MINH HÙNG	RP2	81	1	5			86	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG QUÍ	RP2	79	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	65	1	8			65	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH TÚ	RP2	74	1	8			66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP2	82-83	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HUY KHANH	RP2	70-71	2	21			57	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NGUYÊN	RC3	60	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	21	1.428	27	215	1	20	17		
2	RC3	1	70	1	4	0	0	5		
	TOTAL	22	1.498	28	219	1	20	22		
	WEIGHT KG		1.498		219		20			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	NGÔ VĂN LINH ☐
		ĐÀO NGỌC PHÚ ☑

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO:PVD8 - BK10	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/1954	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CÙ THANH NHÂN	PVD8	79	1	4			64	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN TRÀ VINH	PVD8	80	1	5			73	PVDO	Vietnamese
3	BÙI SỸ TRƯỜNG	PVD8	78	1	6			57	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THẮNG	PVD8	83	1	6			77	PSV	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH THÌN	PVD8	81	1	4			66	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VIẾT TOÀN	PVD8	82	1	8			88	PSV	Vietnamese
7	LÊ VĂN THIỆN	PVD8	84	1	7			66	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH HOÀN	BK10	54-55	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
9	QUÁN VĂN KHÁNH	BK10	52-53	2	22			70	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HƯNG	BK10	50	1	4	1	22	73	XAYLAP	Vietnamese
11	BÙI CÔNG HÙNG	BK10	63-64	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH VĂN TÙNG	BK10	48-49	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HIẾU	BK10	59-60	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
14	VÕ VĂN LINH	BK10	56-57	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
15	VÕ QUỐC TUẤN	BK10	58	1	13			83	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN NHÂN	BK10	61-62	2	22			72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	7	491	7	40	0	0	7		
2	BK10	9	620	16	157	1	22	15		
	TOTAL	16	1.111	23	197	1	22	22		
	WEIGHT KG		1.111		197		22			

GRAND TOAL: **1.330** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	LẠI HỒNG ĐIỆP	BÙI HOÀNG DƯƠNG ☐
		NGUYỄN MINH ĐỨC ☑